TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Ngô Minh Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: KV B, phường T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

- **Bị đơn**: bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: KV H, phường C, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 29/12/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Thanh Đ trình bày:

Anh chị qua tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012 có ký kết hôn tại UBND phường Trường Lạc, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó khoảng năm 2012 ông bị tai nạn, kinh tế sa sút, chị L không tôn trọng anh Đ, anh chị phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bất hòa về tình cảm, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Anh Đ đã cố tìm giải pháp để hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thể hàn gắn được. Nay cảm thấy tình cảm của anh với chị L không còn, nhận thấy không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh xin ly hôn với chị L. Về nợ chung, tài sản chung, con chung là không có.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Xác định quá trình chung sống cũng như thời gian kết hôn như anh Đ đã trình bày. Về mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình như anh Đ đã trình bày là không có, hai vợ chồng vẫn sinh sống chung, sinh hoạt chung bình thường, không có cãi vã. Nay thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với anh Đ. Về nợ chung, tài sản chung, con chung là không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu được ly hôn với bà Tuyết L, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình suy sụp. Vào năm 2012, ông bị tai nạn vào năm 2012, gãy chân, gãy tay, không đi được, vấn đề sinh hoạt khi đó là do vợ là bà Tuyết L hỗ trợ. Còn kinh tế hiện nay là ông làm vườn, tự kiếm thu nhập sinh sống. Về chi phí sinh hoạt trong gia đình là do bà Tuyết L lo liệu, chi phí sinh hoạt cá nhân thì ông tự lo. Trong đời sống hàng ngày thì bị đơn trong vấn đề sinh hoạt, kinh tế của gia đình thì bà L thường hay nói dối ông. Về cuộc sống vợ chồng thì bà L không có ghen tuông, vợ chồng chưa từng xảy ra đánh nhau hay có hành vi bạo lực gia đình. Hiện vợ chồng vẫn còn ở chung nhà, còn ở chung phòng với nhau, còn việc nấu cơm nước của vợ chồng là do ông thực hiện do bà L đi làm cả ngày. Nhưng nhận thấy bà L trong cuộc sống vợ chồng không còn tôn trọng ông nên yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Theo bà nguyên nhân mâu thuẫn là gần đầy khoảng vài tháng, ông Đ thường xuyên có tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, rủ rê bạn về nhà. Bà có khuyên ngăn và tỏ thái độ không đồng ý nên phát sinh mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, bà không làm gì có lỗi với chồng, chỉ có khuyết điểm là khi khuyên ngăn chồng có lớn tiếng nhưng vẫn còn thương chồng và tôn trọng đối với chồng và bà chưa làm gì có lỗi với chồng. Hiện tại, chi phí sinh hoạt trong gia đình là do bà thực hiện, năm 2012 ông Đ bị tai nạn, chấn thương sọ não nặng, mọi vấn đề chăm sóc chồng là do bà thực hiện. Hiện hàng ngày bà vẫn đi chợ, lo cơm nước, vợ chồng vẫn nấu ăn chung, ở chung nhà,

chung phòng và "quan hệ vợ chồng" bình thường. Nên bà vẫn còn yêu thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết L. Giữa ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Nhận thấy theo lời trình bày của cả nguyên đơn và bị đơn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như ông Đ trình bày xảy ra vào năm 2012, khi ông bị tai nạn, sự việc xảy ra từ lâu. Hiện tại, vợ chồng vẫn sống cùng nhau, vẫn chăm sóc, cùng ở chung, ăn cơm cùng nhau. Đối với những mâu thuẫn do nguyên đơn trình bày, xét đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, đời thường của cuộc sống hôn nhân, không đến mức trầm trọng để phải ly hôn.

Vì vậy giữa vợ chồng chưa vi phạm bạo lực gia đình, chưa vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không có quan hệ ngoại tình. Nên nhận thấy hôn nhân chưa lâm vào trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng vẫn còn, vợ chồng tiếp tục mối quan hệ hôn nhân vẫn mang lại hạnh phúc nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Lê Thanh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:***

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh Đ.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004678 ngày 07/05/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** *Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND phường Châu Văn Liêm;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái